

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều: 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ các điều: 55, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh Hà Văn T1 và chị Y Kh;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc yêu cầu ly hôn của anh Hà Văn T1;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 04 tháng 8 năm 2022 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

*Người khởi kiện: **Anh Hà Văn T1**, sinh năm 1988;*

*Người bị kiện: **Chị Y Kh**, sinh năm 1996;*

Đều ở địa chỉ: khu X 1, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do hòa giải viên chuyển sang Tòa án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 04 tháng 8 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 04 tháng 8 năm 2022, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Hà Văn T1 và chị Y Kh.

- *Về con chung*: Anh T1 và chị Y Kh có 01 con chung là cháu Hà Mạnh Q, sinh ngày 30/5/2015. Khi ly hôn, anh T1 và chị Y Kh thống nhất, thỏa thuận và cũng là nguyện vọng của con chung là anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Q đến khi thành niên. Chị Y Kh không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T1 không yêu cầu. Hai bên có quyền và nghĩa vụ đối với con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Anh T1 và chị Y Kh không yêu cầu giải quyết.

- *Các vấn đề khác*: Không.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo kháng, nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Các bên tham gia hòa giải;*
- *VKSND huyện T;*
- *THADS huyện T;*
- *UBND xã K; huyện T;*
- *Lưu TA.*

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai

